

Bản án số: 133/2025/HSPT

Ngày 18 - 6 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị My My, bà Đinh Thị Tuyết.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nông Thị Quỳnh Hoa – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:** Ông Trần Quyết Chiến - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 142/2025/TLPT-HS ngày 19 tháng 5 năm 2025 đối với bị cáo Hoàng Văn Đ phạm tội “Gá bạc” và 04 bị cáo phạm tội “Đánh bạc”, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 89/2025/HS-ST ngày 31 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

*** Các bị cáo có kháng cáo:**

1. Họ và tên: **Hoàng Văn Đ**, sinh năm 1963, tại tỉnh Hà Tĩnh.

Nơi thường trú: Buôn PL, phường TL, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Nơi ở hiện tại: Số 106B đường D, phường TA, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Nghề nghiệp: Hưu trí; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông Hoàng Văn N và con bà Nguyễn Thị T1 (đều đã chết); Bị cáo có vợ là Đỗ Thị N1, sinh năm 1986 và có 03 con sinh năm 1991, con nhỏ nhất sinh năm 2014; Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 03/01/2013, bị Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm 05 tháng 22 ngày, tại Bản án số 05/2013/HSST, Bị cáo đã được xoá án tích.

Bị cáo bị bắt phạm tội quả tang ngày 08/11/2024 và tạm giữ đến ngày 18/11/2024, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Hà Xuân Đ1**, sinh năm 1955, tại tỉnh Đắk Lắk.

Nơi thường trú: Số 52 đường T, phường TC, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Nơi ở hiện tại: Số 102/82 đường T1, phường TL, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông Hà Tấn T2, con bà Cao Thị L (đều đã chết). Bị cáo có vợ là Phan Thị L1, sinh năm 1956 và có 02 con, con lớn nhất sinh năm 1986 (đã chết), nhỏ nhất sinh năm 1990. Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 02/01/1996, bị Công an thành phố Buôn Ma Thuột Quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền, về hành vi cờ bạc.

Ngày 24/01/2006, bị Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 15 tháng về tội "Đánh bạc", tại Bản án số 12/2006/HSST. Bị cáo đã được xoá án tích.

Bị cáo bị bắt phạm tội quả tang ngày 08/11/2024 và tạm giữ đến ngày 18/11/2024, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: **Tô Thành Đ2**, sinh năm 1965, tại tỉnh Đắk Lắk.

Nơi cư trú: số 368 đường K, liên gia 5, tổ dân phố 11, phường KX, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Nghề nghiệp: Kỹ thuật viên; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông Tô Thành T3 (đã chết); con bà Trần Thị M, sinh năm 1948; Bị cáo có vợ là Đặng Thị Phương M1, sinh năm 1965 và có 02 con, con lớn nhất sinh năm 1990, nhỏ nhất sinh năm 1991. Tiền án: Không.

Tiền sự: 01. Ngày 06/5/2024, bị Công an thành phố Buôn Ma Thuột xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền, về hành vi đánh bạc.

Bị cáo bị bắt phạm tội quả tang ngày 08/11/2024 và tạm giữ đến ngày 18/11/2024, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: **Lê Thị T**, sinh năm 1968, tại tỉnh Đắk Lắk.

Nơi thường trú: số 44/8 đường H, phường TT, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Nơi ở hiện tại: số 181/31B đường T, phường TT, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông Lê Tấn H, con bà Nguyễn Thị L1 (đều đã chết); Bị cáo có chồng là Hồ Phú T4, sinh năm 1971 (đã ly hôn) và có 02 con, con lớn nhất sinh năm 1998, con nhỏ nhất sinh năm 2003. Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt phạm tội quả tang ngày 08/11/2024 và tạm giữ đến ngày 18/11/2024, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

5. Họ và tên: **Trần Thị O**, sinh năm 1968, tại tỉnh Đắk Lắk.

Nơi cư trú: số 103/44 đường K, Buôn KS, phường TL, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: 03/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông Trần Ngọc S (đã chết), con bà Hoàng Thị H1, sinh năm 1944; Bị cáo có chồng là Nguyễn Hồng Đ3, sinh năm 1968 (đã ly hôn) và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 1989, con nhỏ nhất sinh năm 1994. Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 08/01/2020, bị Ủy ban nhân dân phường TL, thành phố Buôn Ma Thuột quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền, về hành vi đánh bạc.

Bị cáo bị bắt phạm tội quả tang ngày 08/11/2024 và tạm giữ đến ngày 18/11/2024, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 6 năm 2024, Hoàng Văn Đ thuê ngôi nhà tại số 106B đường D, phường TA, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk của chị Trần Thị Lệ H2 để làm nơi cư trú. Vào khoảng 11 giờ ngày 08 tháng 11 năm 2024, Hà Xuân Đ1, Lê Thị T và Trần Thị O đến chỗ ở của Đ chơi, thì lúc này Đ sử dụng chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen gọi điện thoại rủ Tô Thành Đ2 đến nhà Đ để đánh bạc thì Đ2 đồng ý. Sau đó, Đ2, Đ1, T và O cùng rủ nhau đánh bạc dưới hình thức chơi bài Binh Xập Xám được thua bằng tiền tại căn phòng bếp của căn nhà, thì được Đ đồng ý và cả nhóm thoả thuận: Khi tham gia đánh bạc, các con bạc sẽ đấu chón và khi kết thúc chón thì người thắng nhiều nhất sẽ đóng 100.000đồng tiền xâu cho Đ. Tiếp đó, Đ chuẩn bị các công cụ, gồm: 124 phỉnh (được cắt ra từ những lá bài tứ lơ khơ), 01 bàn gỗ, 05 ghế nhựa; 01 cái chặn bằng vải; 01 cái tô bằng sứ, màu trắng, 01 cái kéo, 03 cục xí ngầu, 02 bộ bài Tứ lơ khơ 52 lá làm công cụ để phục vụ cho Đ2, Đ1, T và O đánh bạc tại khu vực căn phòng bếp của căn nhà. Khi tham gia đánh bạc, Đ1 sử dụng 3.110.000 đồng, T sử dụng 11.000.000 đồng, Đ2 sử dụng 2.600.000 đồng và O sử dụng 9.870.000 đồng vào việc đánh bạc. Quá trình đánh bạc hết chón đầu tiên, O thắng nhiều nhất nên đóng 100.000 đồng tiền xâu để trên chiếu bạc cho Đ. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, T, Đ2, Đ1 và O đang đánh bạc đến chón thứ hai, còn Đ ngồi ngoài xem thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột kiểm tra, phát hiện bắt quả tang.

Tạm giữ tại chiếu bạc số tiền 700.000đồng (trong đó: Tại tụ của O là 600.000 đồng và số tiền xâu là 100.000 đồng); 124 phỉnh, gồm: 04 phỉnh lớn, 40 phỉnh dài, 80 phỉnh nhỏ); 01 bàn gỗ kích thước (0,84x0,84x0,52)m; 01 ghế nhựa đỏ kích thước (0,27x0,27x0,47)m; 04 ghế nhựa có bệ dựa cao 0,70m, mặt ghế cao 0,35m, bệ ghế có kích thước (0,34x0,4)m; 01 cái chặn bằng vải, màu xám, kích thước (0,84x0,84)m; 01 cái tô bằng sứ, màu trắng, kích thước (0,15x0,075)m; 01 cái kéo (dài 0,13m, cán bằng nhựa, lưỡi kéo bằng kim loại);

03 cục xí ngẫu, nền trắng, có nhiều chấm khác nhau trên các mặt, kích thước (0,01x0,01x0,01)m; 02 bộ bài Tú lơ khơ 52 lá.

Cơ quan điều tra tạm giữ trên người của Hà Xuân Đ1 số tiền 2.910.000đồng, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone SE, màu xám, số imei: 356611084820541; của Lê Thị T số tiền 11.100.000đồng, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 15 Promax, màu xanh, số imei: 357370820625925, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax, màu vàng, số imei: 353895104999921; của Tô Thành Đ2 số tiền 2.000.000đồng, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A73 5G, màu xám, số imei: 352828291737565, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Mobell, màu đỏ, số imei: 9701016011177373; của Trần Thị O số tiền 9.870.000đồng, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax, màu xanh, số imei: 356728116636891.

Ngoài ra, quá trình điều tra Hoàng Văn Đ tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, model TA – 1235, màu đen, số imei: 350085531183298, để phục vụ công tác điều tra.

Hình thức, cách đánh bạc, quy định thu xâu và thắng thua bằng bài Binh Xập Xám. Khi bắt đầu một chón bạc, mỗi con bạc sẽ có 01 phỉnh lớn (tương đương số tiền 500.000 đồng); 20 phỉnh nhỏ (mỗi phỉnh tương ứng số tiền 50.000 đồng); 10 phỉnh dài (mỗi phỉnh tương ứng số tiền 50.000 đồng). Tổng số tiền một chón tương ứng là 2.000.000 đồng. Khi “Đứt chón” (tức là có một con bạc thua hết phỉnh lớn và phỉnh nhỏ) thì con bạc nào thua sẽ lấy tiền mặt ra chung. Lúc này, con bạc nào thắng nhiều nhất sẽ đóng cho Đ số tiền xâu là 100.000 đồng để Đ hưởng lợi cá nhân. Mỗi con bạc sẽ chia bài 02 lần, con bạc chia bài sẽ thả 03 hột xúc xắc đổ vào 01 cái tô bằng sứ để chọn bài chơi. Tổng điểm của 03 hột xúc xắc sẽ là vị trí bài được con bạc chia bài bốc. Mỗi con bạc được chia 13 lá bài, các con bạc xếp 13 lá bài thành 03 chi, trong đó chi 1 và chi 2 có 5 lá bài, chi 3 có 3 lá bài. Các con bạc lần lượt so các chi với nhau để xác định thắng thua theo thứ tự như sau: Cù lũ là có 3 lá bài cùng nút và 2 lá bài còn lại cùng nút. Nếu hai người cùng có cù lũ thì ai có cù lũ lớn hơn sẽ thắng; Thùng là có 5 lá bài cùng màu. Nếu hai người cùng có thùng thì ai có thùng lớn hơn sẽ thắng; Sảnh là có 5 lá bài có nút liên tiếp nhau. Nếu hai người cùng có sảnh thì ai có sảnh lớn hơn sẽ thắng; Sám cô là có 3 lá bài cùng nút và 2 lá bài còn lại khác nhau. Nếu hai người cùng có sám cô thì ai có sám cô lớn hơn sẽ thắng; Hai đôi là có 2 cặp lá bài cùng nút. Nếu hai người cùng có hai đôi thì ai có hai đôi lớn hơn sẽ thắng; Một đôi là có 2 lá bài cùng nút và 3 lá bài còn lại khác nhau. Nếu hai người cùng có một đôi thì ai có đôi lớn hơn sẽ thắng; Không đôi là 5 lá bài không giống nhau, không cùng chất và không liên tiếp nhau. Nếu hai người cùng có không đôi thì ai có lá bài lớn nhất lớn hơn sẽ thắng. Các bị can quy ước thua 1 chi phải chung 1 phỉnh nhỏ. Ngoài việc so các chi bài thì việc thắng thua còn được quy ước như sau: Mậu binh khi có 3 chi cùng thùng hoặc cùng sảnh hoặc sáu đôi thì người chơi thắng những người còn lại 3 chi/người, nghĩa là thắng tổng cộng 9 chi/03người; Mậu binh khi có một chi bài thùng phá sảnh, nghĩa là có 01 chi bài vừa là thùng, vừa là sảnh thì người chơi thắng những người còn lại 5 chi/người, nghĩa là thắng tổng cộng 15 chi/03 người; Mậu binh khi có 12 lá bài cùng màu đen hoặc cùng

màu đỏ thì người chơi thắng những người còn lại 7 chi/người, nghĩa là thắng tổng cộng 21 chi/03 người; Tứ quý là có 4 lá bài cùng nút thì người chơi thắng những người còn lại 4 chi/người, nghĩa là thắng tổng cộng 12 chi/03 người. Tuy nhiên, người có tứ quý vẫn phải so các chi bài với người khác để xác định thắng thua. Sau khi so các chi bài để xác định thắng thua thì người chơi còn so lá bài “A” để cá xì. Người nào có lá bài “A” thì không phải chung cá xì, người nào không có lá bài “A” thì phải chung cá xì. Người nào có nhiều lá bài “A” nhất thì thắng cá xì, người thua cá xì phải chung 01 phỉnh dài.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 89/2025/HS-ST ngày 31/3/2025 của Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột, đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 322, khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Hoàng Văn Đ phạm tội: “Gá bạc” và các bị cáo Tô Thành Đ2, Hà Xuân Đ1, Lê Thị T, Trần Thị O phạm tội: “Đánh bạc”.

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

Xử phạt: Bị cáo Hoàng Văn Đ 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 08/11/2024 đến ngày 18/11/2024.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm o, s khoản 1 Điều 51 BLHS.

Xử phạt: Bị cáo Hà Xuân Đ1 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 08/11/2024 đến ngày 18/11/2024.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

Xử phạt: Bị cáo Tô Thành Đ2 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 08/11/2024 đến ngày 18/11/2024.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS.

Xử phạt: Bị cáo Lê Thị T 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 08/11/2024 đến ngày 18/11/2024.

Xử phạt: Bị cáo Trần Thị O 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 08/11/2024 đến ngày 18/11/2024.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và tuyên quyền kháng cáo cho các bị cáo theo quy định của pháp luật.

*** Kháng cáo:** Ngày 02/4/2025, bị cáo Lê Thị T và bị cáo Tô Thành Đ2 có đơn kháng cáo; ngày 03/4/2025 bị cáo Hà Xuân Đ1 và bị cáo Trần Thị O có đơn kháng cáo; ngày 08/4/2025 bị cáo Hoàng Văn Đ có đơn kháng cáo đều với nội dung: xin giảm nhẹ hình phạt, xin hưởng án treo hoặc cải tạo không giam giữ.

Kết quả xét hỏi tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi mà các bị cáo đã thực hiện cơ bản đúng như nội dung vụ án đã được tóm tắt nêu trên. Bị cáo Hà Xuân Đ1 cung cấp thêm đơn xác nhận hoàn cảnh gia đình khó khăn, các bị cáo còn lại không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì mới.

*** Quá trình tranh luận tại phiên tòa phúc thẩm, Đại diện Viện kiểm sát đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi, hậu quả của bị cáo và có quan điểm như sau:**

Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Hoàng Văn Đ về tội “Gá bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 322 BLHS và xét xử các bị cáo Tô Thành Đ2, Hà Xuân Đ1, Lê Thị T, Trần Thị O về tội: “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 BLHS là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Xét kháng cáo của bị cáo, tính chất mức độ hành vi phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Hoàng Văn Đ, Tô Thành Đ2, Hà Xuân Đ1. Giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về hình phạt đối với các bị cáo.

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự: Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lê Thị T, Trần Thị O. Sửa bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với các bị cáo.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự.

+ Xử phạt: Bị cáo Lê Thị T 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

+ Xử phạt: Bị cáo Trần Thị O 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao các bị cáo cho chính quyền địa phương và gia đình giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách.

Các bị cáo không tranh luận, bào chữa gì chỉ đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo được cải tạo ngoài xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai của các bị cáo Hoàng Văn Đ, Tô Thành Đ2, Hà Xuân Đ1, Lê Thị T, Trần Thị O tại phiên tòa phúc thẩm cơ bản phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với các tài liệu chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở để kết luận:

Do ý thức coi thường pháp luật và vì động cơ vụ lợi nên vào sáng ngày 08/11/2024, tại phòng bếp thuộc căn nhà do bị cáo Đ thuê để ở. Bị cáo Hoàng Văn Đ đã sử dụng địa điểm, công cụ, phương tiện để cho các bị cáo Tô Thành Đ2, Hà Xuân Đ1, Lê Thị T, Trần Thị O đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức chơi đánh bài Binh Xập Xám, nhằm mục đích thu tiền xâu. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc là 26.580.000 đồng và số tiền xâu là 100.000 đồng.

Do đó, cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Hoàng Văn Đ về tội “Gá bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 322 BLHS và xét xử các bị cáo Tô Thành Đ2, Hà Xuân Đ1, Lê Thị T, Trần Thị O về tội: “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 BLHS là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[2] Xét kháng cáo của các bị cáo, HĐXX thấy rằng:

[2.1] Đối với các bị cáo Hoàng Văn Đ, Hà Xuân Đ1, Tô Thành Đ2: Khi quyết định hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét về nhân thân, cũng như ý thức chấp hành pháp luật của các bị cáo và áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, mức hình phạt 01 năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với các bị cáo là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện. Do đó không có cơ sở để xem xét chấp nhận kháng cáo của các bị cáo mà cần giữ nguyên mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với các bị cáo.

[2.2] Đối với các bị cáo Lê Thị T, Trần Thị O phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; các bị cáo đều có nơi cư trú rõ ràng, biết ăn ăn hối cải nên xét thấy không cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho các bị cáo được hưởng biện pháp miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện để các bị cáo tự cải tạo dưới sự giám sát của chính quyền địa phương và gia đình cũng đảm bảo tác dụng giáo dục, răn đe đối với các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

Từ những phân tích và nhận định nêu trên, HĐXX phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Hoàng Văn Đ, Hà Xuân Đ1, Tô Thành Đ2; chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lê Thị T, Trần Thị O, sửa một phần bản án sơ thẩm về biện pháp chấp hành hình phạt đối với các bị cáo.

[3] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo Hoàng Văn Đ, Hà Xuân Đ1, Tô Thành Đ2 phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Tuy nhiên, bị cáo Hà Xuân Đ1, sinh năm 1955 và bị cáo Hoàng Văn Đ, sinh năm 1963 thuộc trường hợp người cao tuổi nên áp dụng điểm d Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về án phí lệ phí Tòa án để miễn án phí cho các bị cáo.

Bị cáo Tô Thành Đ2 phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Do kháng cáo được chấp nhận nên các bị cáo Lê Thị T, Trần Thị O không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Hoàng Văn Đ, Hà Xuân Đ1, Tô Thành Đ2. Giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về hình phạt đối với các bị cáo.

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo **Hoàng Văn Đ** 01 (một) năm tù về tội “Gá bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 08/11/2024 đến ngày 18/11/2024.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm o, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo **Hà Xuân Đ1** 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù

tính từ ngày bắt thi hành án, bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 08/11/2024 đến ngày 18/11/2024.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo **Tô Thành Đ2** 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 08/11/2024 đến ngày 18/11/2024.

[2]. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự. Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lê Thị T, Trần Thị O. Sửa một phần bản án sơ thẩm về biện pháp chấp hành hình phạt đối với các bị cáo.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự.

+ Xử phạt: Bị cáo **Lê Thị T** 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

+ Xử phạt: Bị cáo **Trần Thị O** 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Lê Thị T cho UBND phường TT, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; giao bị cáo Trần Thị O cho UBND phường TL, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách, gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[3] Về án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng Điều 12, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Hoàng Văn Đ và bị cáo Hà Xuân Đ1 được miễn án phí hình sự phúc thẩm.

Bị cáo Tô Thành Đ2 phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các bị cáo Lê Thị T, Trần Thị O không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối Cao;
- TAND Cấp cao
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Văn phòng CQCSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Đắk Lắk;
- TAND Tp.Buôn Ma Thuột ;
- VKSND Tp. Buôn Ma Thuột;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Trang

- Chi cục THADS Tp. B;
- Bị cáo;
- UBND P. TL, Tp. B;
- UBND P. TT, Tp. B;
- Lưu hồ sơ.